

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 17-7-2020  
V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thúy Năng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Công Thắng  
Ông Nguyễn Phi Hùng

**- *Thư ký phiên toà:*** Bà Trương Thùy Trang-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số K, đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: JS, Apt K, , TX, Hoa Kỳ (có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2019 và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Hữu C đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017, tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chồng tôi định cư tại Mỹ, còn tôi sống tại Việt Nam, vợ chồng không thống nhất quan điểm sống. Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Nguyễn Hữu C.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung.

*Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 11/6/2020 có chứng nhận Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Texas, Hoa Kỳ, bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim C vì chúng tôi ở xa nhau nên tình cảm phai nhạt và không thống nhất về quan điểm sống.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung. Tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có. Hiện nay tôi đang sinh sống và định cư ở Hoa Kỳ, nên không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn được. Tôi đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và không cần hòa giải vì cả tôi và bà Trần Thị Kim C đều đồng ý ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C; Địa chỉ: Số K, đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Nguyễn Hữu C. Địa chỉ: JS, Apt K, , TX, Hoa Kỳ, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C và bị đơn ông Nguyễn Hữu C, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Hữu C theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 11/6/2020, ông Nguyễn Hữu C có văn bản trình bày xin xét xử ly hôn vắng mặt, đồng thời yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu C.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu C đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 12/2017) tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà C, do ông C định cư tại Mỹ, còn bà sống tại Việt Nam, vợ chồng có quan niệm sống khác nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Chi, thấy: Sau khi kết hôn năm 2017 cho đến nay, bà C và ông C mỗi người sống mỗi nơi. Bản thân ông C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy: Hôn nhân giữa bà C và ông C chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông C, xác định không có.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông C xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Trần Thị Kim C đối với ông Nguyễn Hữu C.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim C với ông Nguyễn Hữu C.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002548 ngày 09/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Kim C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim C được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hữu C vắng mặt tại

phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND Q, H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Năng**